

Bản án số: 463/2022/HS-PT
Ngày: 21-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 412/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trọng C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trọng C (B), sinh năm 1988, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Số 86 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp Không; trình độ văn hóa 10/12; tôn giáo Thiên Chúa giáo; con ông Nguyễn Trọng V (chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Phạm Thị Kiều O (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 18/10/2021, có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Viết T, luật sư, Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng C theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020, Nguyễn Trọng C do nợ tiền của nhiều người nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức gian dối cầm cố tài sản để vay tiền rồi chiếm đoạt. Mặc dù không kinh doanh dịch vụ cầm đồ, không nhận cầm cố tài sản nào nhưng để làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền, C đã thuê các xe ô tô tự lái của nhiều người rồi đưa ra thông tin gian dối nói với các bị hại là gia đình C có kinh doanh dịch vụ cầm đồ, những xe ô tô này là do C nhận cầm cố của người khác do C đang cần tiền để làm ăn trong thời gian ngắn nên C cầm cố lại những chiếc xe này cho các bị hại để vay tiền giải quyết công việc và được các bị hại tin tưởng cho vay tiền. Sau khi nhận được tiền, C sử dụng trả nợ và sử dụng hết vào mục đích cá nhân, không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Với thủ đoạn nêu trên, C đã thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt của 02 bị hại tổng số tiền **870.000.000 đồng** (tám trăm bảy mươi triệu đồng). Cụ thể:

1. Chiếm đoạt của anh Phan Ngọc X sinh năm 1984, thường trú tại tỉnh Kiên Giang, tạm trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 750.000.000 đồng.

Anh X và C có mối quan hệ quen biết từ năm 2018, quá trình quen biết với anh X, C giới thiệu bản thân đang kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại phường K, thành phố B. Đến khoảng tháng 9/2020, do C nợ tiền của một số người nên cần tiền để trả nợ, biết anh X có tiền và có nhu cầu cho vay cá nhân để hưởng lãi suất nên C nảy sinh ý định vay tiền của anh X để chiếm đoạt, C thuê xe ô tô tự lái của nhiều người rồi nói dối với anh X những chiếc xe này là do C nhận cầm cố của khách hàng, C đang thiếu tiền làm ăn nên muốn vay tiền của anh X và sẽ cầm cố lại xe ô tô cho anh X để làm tin, khi nào anh X cần tiền thì báo trước cho C khoảng 07 ngày thì C sẽ trả tiền và lấy lại xe, đồng thời trả tiền lãi vay cho anh X. Vì vậy, anh X tin tưởng và nhiều lần cho C vay tiền.

Lần thứ nhất, ngày 03/9/2020, C thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển kiểm soát 47A – 308.56, đây là xe của anh Vũ Minh T (sinh năm 1992), trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chiếc xe này được anh T giao cho anh Nguyễn Thanh H (sinh năm 1989), trú tại tổ dân phố 3, phường K, T phố B, tỉnh Đắk Lắk để quản lý và kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. C thuê chiếc xe này với giá là 12.000.000 đồng/tháng và đã trả đủ tiền thuê xe cho anh H. Sau đó, đến ngày 05/9/2020, C đem chiếc xe này cầm cố cho anh X để vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi cho C vay tiền, do C muốn được nhận chuyển khoản nhưng anh X chỉ có tiền mặt nên anh X nhờ bạn là chị Lê Thị H (sinh năm 1986), trú tại T phố B chuyển khoản cho C số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) từ tài khoản của chị H số 19020261119015 mở tại Ngân hàng T chi nhánh Đắk Lắk

đến số tài khoản 32412699999 của C mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Đắk Lắk và C viết cho anh X 01 “*giấy mượn tiền*” có chị H ký người làm chứng, thể hiện nội dung C vay của anh X số tiền 150.000.000 đồng có cầm cố 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A – 308.56.

Lần thứ hai, ngày 22/10/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX-5, biển kiểm soát 47A – 292.63, đây là xe của anh Đặng Phúc T (sinh năm 1996), trú tại thành phố B, chiếc xe này được anh T giao cho anh Đỗ X T (sinh năm 1995), trú tại thành phố B để quản lý và kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. C thuê chiếc xe này với giá 27.000.000 đồng/tháng và đã trả đủ tiền thuê xe cho anh T. Sau đó, C đem chiếc xe này đến cầm cố cho anh X để vay số tiền 200.000.000 đồng, anh X chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho C từ số tài khoản 19027702070011 của anh X mở tại Ngân hàng T chi nhánh quận 9, T phố Hồ Chí Minh đến số tài khoản 32412699999 của C mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Đắk Lắk, anh X và C ký “*hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” có chị H ký người làm chứng, thể hiện nội dung anh X cho C vay số tiền 200.000.000 đồng, có thể chấp 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A – 292.63.

Lần thứ ba, ngày 24/10/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Corolla Altis, biển kiểm soát 47A – 240.20, đây là xe của anh Phan Đình Quốc K (sinh năm 1995), trú tại tỉnh Đắk Lắk, chiếc xe này được anh K giao cho anh Hồ Trần Anh V (sinh năm 1985), trú tại số 88 đường P, phường K, thành phố B quản lý, kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. C thuê chiếc xe này với giá 18.000.000 đồng/ tháng, C chưa trả tiền thuê xe cho anh V, hiện đang còn nợ tiền thuê xe của anh V số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi thuê xe, C đem chiếc xe đến cầm cố cho anh X để vay số tiền 150.000.000 đồng, anh X chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho C từ số tài khoản 19027702070011 của anh X đến số tài khoản 32412699999 của C, anh X và C ký “*hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” có chị H ký người làm chứng, thể hiện nội dung anh X cho C vay số tiền 150.000.000 đồng, có thể chấp 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A – 240.20.

Lần thứ tư, ngày 17/11/2020, C tiếp tục thuê chiếc xe nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 47A – 185.33 của anh Đỗ X T, giá thuê là 21.000.000 đồng/tháng, C đã nhiều lần trả tiền thuê xe cho anh T nhưng vẫn còn nợ 8.000.000 đồng tiền thuê xe. Sau khi thuê xe, C đã đem xe đến cầm cố cho anh X để vay số tiền 150.000.000 đồng, anh X chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho C từ số tài khoản 19027702070011 của anh X đến số tài khoản 32412699999 của C, anh X và C ký “*hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” có chị H ký người làm chứng, thể hiện nội dung anh X cho C vay số tiền 150.000.000 đồng, có thể chấp 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A – 185.33.

Lần thứ năm, cũng trong ngày 17/11/2020, C thuê thêm chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato Koup, biển kiểm soát 47A - 286.11 của anh Phạm Văn H (sinh năm 1988), trú tại thành phố B, giá thuê là 15.000.000 đồng/tháng, C chưa trả tiền thuê xe cho anh H. Sau khi thuê xe, C đem chiếc xe đến cầm cố cho anh X để vay số tiền 100.000.000 đồng, anh X nhờ chị Lê Thị H chuyển khoản giúp cho C số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ tài khoản số 19020261119015 của chị H đến số tài khoản 32412699999 của C, anh X và C ký “*hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” có chị H ký người làm chứng, thể hiện nội dung anh X cho C vay số tiền 100.000.000 đồng, có thể chấp 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A – 286.11.

Sau khi vay tiền của anh X, C đã sử dụng để trả nợ và tiêu dùng cá nhân nên không có khả năng trả lại cho anh X số tiền đã vay. Anh X nhiều lần liên lạc và tìm C để đòi nợ nhưng C nêu nhiều lý do để tránh gặp anh X, sau đó cắt liên lạc với anh X. C thông báo với những người đã cho thuê xe về việc C đã cầm cố xe của họ cho anh X và những người này đã theo hệ thống định vị trên xe tìm gặp anh X để lấy lại xe.

Như vậy, C đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh X tổng số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979, trú tại thôn 09, xã Hòa Thắng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 120.000.000 đồng.

C và anh C có mối quan hệ là người quen biết, quá trình quen biết, C giới thiệu với anh C bản thân làm dịch vụ cầm đồ ở phường K, đến khoảng tháng 9/2020, C nói với anh C là C đang có nhiều khách muốn cầm cố xe ô tô nhưng C không còn tiền mặt, C đặt vấn đề muốn vay tiền của anh C để nhận cầm cố xe cho khách, C sẽ cầm cố lại xe ô tô cho anh C để làm tin và sẽ trả tiền lãi cho anh C nên được anh C tin tưởng đồng ý.

Ngày 17/9/2020, C mượn chiếc xe Cheverolet loại bán tải, biển kiểm soát 49C – 159.04 của anh Nguyễn Thanh H (sinh năm 1989), trú tại Liên gia 2, tổ dân phố 3, phường K, thành phố B rồi đem cầm cố cho anh C để vay số tiền 120.000.000 đồng, anh C đưa tiền mặt trực tiếp cho C, C viết cho anh C 01 “*Giấy thế chấp*” thể hiện nội dung C vay của anh C số tiền 120.000.000 đồng có thể chấp 01 xe ô tô bán tải màu trắng, biển kiểm soát 49C – 159.04. Sau đó, do anh H đòi lại xe nên ngày 25/11/2020, C thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 47A - 364.52 của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1990), trú tại thành phố B, giá thuê là 750.000 đồng/ngày, C thuê xe của anh H 16 ngày, đã trả trước cho anh H số tiền 3.000.000 đồng và còn nợ anh H 9.000.000 đồng tiền thuê xe. Sau đó, C đem chiếc xe này đến nói với anh C là do chiếc xe Cheverolet biển kiểm soát 49C – 159.04 khách muốn chuộc lại nên cho C lấy lại và C sẽ cầm cố chiếc xe Mazda 3 biển kiểm soát 47A – 364.52 thay cho chiếc xe 49C – 159.04 cho anh C để đảm

bảo cho số tiền 120.000.000 đồng đã vay trước đó, anh C đồng ý và tin tưởng C nên không lập hợp đồng. Số tiền đã vay của anh C thì C sử dụng để trả nợ và tiêu dùng cá nhân hết, không có khả năng trả lại số tiền đã vay cho anh C. Sau khi cho C thuê xe, anh H nghe thông tin từ những người cùng làm dịch vụ cho thuê xe tự lái và biết C thuê xe rồi đi cầm cố lại để lấy tiền nên đã theo hệ thống định vị trên xe tìm gặp anh C để lấy lại xe. Sau khi trả xe cho anh H, anh C nhiều lần liên hệ với C để đòi lại tiền nhưng bị C cắt liên lạc và chiếm đoạt của anh C số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Như vậy, C đã chiếm đoạt của anh X và anh C tổng số tiền 870.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó chiếm đoạt của anh X số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và chiếm đoạt của anh C số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 507/PC09 ngày 03/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ viết ghi tên Nguyễn Trọng C trên các tài liệu là Giấy mượn tiền, hợp đồng cho cá nhân vay tiền, Giấy thế chấp so với mẫu chữ viết của Nguyễn Trọng C được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu thập là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C 12 (mười hai) năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/10/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2022, bị cáo Nguyễn Trọng C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng C giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C và sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo Nguyễn Trọng C một phần hình phạt.

Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo Nguyễn Trọng C nhất trí về phần tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử đối với bị

cáo C. Luật sư cho rằng, sau khi xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trọng C tác động với gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại và nộp tiền án phí. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Nguyễn Trọng C khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020, do nợ tiền của nhiều người nên Nguyễn Trọng C đã nảy sinh ý định gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách C thuê các xe ô tô tự lái của nhiều người rồi nói với người bị hại là gia đình C có kinh doanh dịch vụ cầm đồ, những chiếc xe ô tô này là do C nhận cầm cố lại của người khác và C đang cần tiền để làm ăn trong thời gian ngắn nên C cầm cố lại những chiếc xe này cho những người bị hại để vay tiền giải quyết công việc làm cho những người bị hại tin tưởng giao tiền cho Nguyễn Trọng C chiếm đoạt 870.000.000 đồng, trong đó anh Phạm Ngọc X 750.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn C 120.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt Nguyễn Trọng C đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Trọng C đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Nguyễn Trọng C đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” và tình tiết giảm nhẹ đó là: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã trả lại 100.000.000 đồng cho bị hại anh Nguyễn Văn C được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bố mất sớm và xử phạt Nguyễn Trọng C 12 năm tù là hoàn toàn phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trọng C đã tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk 62.180.000 đồng tiền khắc phục hậu quả cho người bị hại và 37.820.000 đồng tiền án phí tại các biên lai thu tiền số 0006396, số 0006397 cùng ngày 16/11/2022. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C cũng như lời bào chữa của luật sư cho bị cáo và sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[2] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Trọng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C và sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng C 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2021.

2. Về án phí: Nguyễn Trọng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

Nguyễn Cường

Vũ Thanh Liêm